

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG
KHOA SPTN- TÔ SPMN

Ths Cao Thị Lệ Huyền

Bài giảng

PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON

DÀNH CHO HỆ CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN



LỜI MỞ ĐẦU

Giáo dục mầm non là mắt xích đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân có nhiệm vụ hình thành và phát triển nhân cách trẻ, tạo ra thế hệ người Việt Nam có đầy đủ những phẩm chất về sức khỏe, trí tuệ cũng như đạo đức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ, phát triển ngôn ngữ là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Mục đích của công việc này là bước đầu hình thành cho trẻ những năng lực ngôn ngữ như nghe lời nói và phát âm, khả năng sử dụng từ ngữ, các kiểu câu tiếng Việt và đặc biệt là nói năng mạch lạc trong giao tiếp và học tập. Ngoài ra, trẻ còn được chuẩn bị một số kỹ năng tiền đọc viết để trẻ học tiếng Việt khi học lớp một.

Bài giảng này được sử dụng cho đối tượng là sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non, hệ cao đẳng. Bài giảng cũng có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các hệ đào tạo giáo viên mầm non khác .

Mục tiêu của học phần

1. Kiến thức:

- Hiểu được khái niệm, đặc điểm, nội dung, phương pháp, hình thức của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- Vận dụng được các phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt, phát triển vốn từ, dạy trẻ đặt câu, phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo.

- Hiểu và vận dụng được các biện pháp cho trẻ làm quen với biểu tượng từ và câu.

- Biết được chương trình cho trẻ làm quen với chữ cái.

- Biết lập kế hoạch hoạt động Nhận biết tập nói, hoạt động Làm quen với chữ viết.

- Liên hệ thực tiễn việc phát triển ngôn ngữ của trẻ ở trường mầm non.

2. Kỹ năng:

- Có kỹ năng xây dựng trò chơi học tập, bài tập trò chuyện với trẻ.

- Có kỹ năng lập kế hoạch hoạt động Nhận biết tập nói và Làm quen với chữ cái.

- Có kỹ năng tổ chức hoạt động Nhận biết tập nói và Làm quen với chữ cái.

- Có kỹ năng lập kế hoạch có trẻ kể chuyện theo tranh, đồ vật, đồ chơi, kinh nghiệm và kể chuyện sáng tạo.

- Nhận xét và đánh giá giờ dạy của mình và của sinh viên khác.

3. Thái độ:

- Nhận định được tầm quan trọng của môn học với nghề nghiệp của mình trong tương lai.

- Chủ động vận dụng kiến thức đã học để phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo.

Chương 1

PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ EM LÀ MỘT KHOA HỌC

A. Mục tiêu

- Hiểu được đối tượng nghiên cứu của môn học.
- Hiểu được mối liên hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ với các ngành khoa học khác.
- Biết các phương pháp nghiên cứu môn học.

B. Nội dung

1.1. Đối tượng nghiên cứu

Là quá trình dạy nói cho trẻ 0 - 6 tuổi, bao gồm:

- Mục đích dạy học: phát triển hoạt động ngôn ngữ cho trẻ ở trường MN
- Nhiệm vụ của môn học:
 - + Giáo dục chuẩn mực ngữ âm.
 - + Hình thành và phát triển vốn từ.
 - + Dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt.
 - + Phát triển lời nói mạch lạc.
 - + Phát triển lời nói nghệ thuật.
 - + Chuẩn bị cho trẻ học đọc, học viết ở trường phổ thông.
 - + Giáo dục tình yêu, sự trân trọng tiếng mẹ đẻ và văn hoá giao tiếp ngôn ngữ.
- Phương pháp và biện pháp:

Sử dụng các phương pháp, biện pháp dạy học phù hợp với độ tuổi mầm non được vận dụng cụ thể vào công việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

 - Các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học.
 - Các điều kiện và phương tiện dạy học.

1.2. Mối liên hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học khác

1.2.1. Mối liên hệ với ngôn ngữ học

Các kiến thức về ngôn ngữ học là những kiến thức cơ bản của ngôn ngữ

tiếng Việt. Phát triển ngôn ngữ nói cho trẻ mầm non cũng bắt đầu từ việc phát triển các nội dung đó. Vì vậy, những kiến thức về ngôn ngữ học sẽ là những kiến thức cơ sở giúp cho các nhà giáo dục hiểu đúng nội dung, tìm ra các phương pháp hiệu quả để phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

1.2.2. Mối liên hệ với tâm lý học trẻ em

Tâm lý học trẻ em trước tuổi học đã nghiên cứu chức năng tâm lý trẻ, các hoạt động chủ đạo của trẻ... Dựa trên, cơ sở nghiên cứu đó, các nhà giáo dục xác định được mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức dạy trẻ nói cho phù hợp với từng độ tuổi và năng lực của trẻ.

1.2.3. Mối liên hệ với giáo dục học mầm non

Phát triển ngôn ngữ được coi như là một bộ phận của khoa học giáo dục mầm non, lĩnh vực cụ thể của khoa học giáo dục mầm non. Phát triển ngôn ngữ được tích hợp trong tất cả các hoạt động giáo dục trong trường mầm non.

Nắm vững khoa học giáo dục học mầm non, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các môn học, tận dụng các cơ hội có được, giáo viên mầm non có thể nâng cao chất lượng giáo dục ngôn ngữ cho trẻ.

1.2.4. Mối liên hệ với sinh lý học

Ngôn ngữ có cơ sở sinh lý học. Bộ máy phát âm của con người là cơ quan sản sinh ra âm thanh ngôn ngữ. Hoạt động của tư duy người là sản phẩm của não bộ. Thính giác giúp trẻ nghe lời nói trong quá trình học nói. Như vậy, hoạt động lời nói có cơ sở sinh lý học.

1.3. Các phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu lí luận.
- Phương pháp quan sát sự phạm.
- Phương pháp điều tra giáo dục: điều tra bằng phiếu câu hỏi, trò chuyện, phỏng vấn, tọa đàm, trắc nghiệm.
- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm sự phạm.
- Phương pháp thực nghiệm sự phạm.
- Phương pháp thống kê toán học.

Câu hỏi ôn tập

1. Tại sao nói phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em là một khoa học?
2. Đối tượng nghiên cứu của khoa học phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em là gì? Nó có quan hệ như thế nào với các khoa học khác?

Chương 2

NHIỆM VỤ, HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TRẺ EM

A. Mục tiêu

- Hiểu được các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.
- Hiểu được các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.
- Hiểu được các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

B. Nội dung

2.1. Các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ trẻ em: Có 7 nhiệm vụ

2.1.1. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt

- Luyện cho trẻ nghe âm thanh ngôn ngữ.
- Dạy trẻ phát âm đúng các âm vị tiếng Việt trong các kết hợp âm tiết - từ - câu theo chuẩn mực âm thanh tiếng Việt.
- Dạy trẻ biết điều chỉnh hơi thở ngôn ngữ để tạo nên sự hợp lý của âm thanh ngôn ngữ về cường độ, nhịp điệu, tốc độ của lời nói, ngữ điệu khi nói để tạo nên sự biểu cảm khi giao tiếp.
- Sửa các lỗi phát âm của trẻ.

2.1.2. Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ

- Làm giàu vốn từ cho trẻ: làm phong phú số lượng từ của trẻ.
- Nâng cao khả năng hiểu nghĩa của từ của trẻ, dạy trẻ dùng từ chính xác, phát triển vốn từ đồng nghĩa, trái nghĩa, nhiều nghĩa.
- Tích cực hoá vốn từ cho trẻ: giúp trẻ sử dụng từ một cách chính xác, linh hoạt trong các ngữ cảnh giao tiếp.

2.1.3. Dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt

- Dạy trẻ nói đúng các mẫu câu theo cấu trúc tiếng Việt.
- Sửa câu sai cho trẻ, như câu thiếu thành phần, câu sai trật tự từ, câu sai logic.

2.1.4. Phát triển lời nói mạch lạc

- Đơn vị ngôn ngữ để giao tiếp không phải là một câu mà là một ngôn bản. Vì thế sự mạch lạc của lời nói là rất cần thiết.

- Dạy lời nói mạch lạc cho trẻ có hai dạng: độc thoại và đối thoại. Thực chất đó là việc rèn khả năng tư duy ngôn ngữ và sử dụng lời nói để giao tiếp. Sự mạch lạc của ngôn ngữ chính là sự mạch lạc của tư duy.

- Mục đích của phát triển lời nói mạch lạc là để giúp trẻ tư duy ngôn ngữ tốt, diễn đạt rõ ràng, không ê a, biết ngắt nghỉ giọng đúng chỗ, lời nói mang sắc thái biểu cảm.

2.1.5. Chuẩn bị cho trẻ học đọc, học viết ở trường phổ thông

- Dạy trẻ nhận diện và phát âm đúng 29 chữ cái theo kiểu chữ in thường

- Cho trẻ làm quen với các khái niệm âm, tiếng, từ, câu.

- Cho trẻ làm quen dần với các kỹ năng: ngồi, cầm bút, tô, viết, giở sách, biết cách đọc sách...

2.1.6. Phát triển lời nói nghệ thuật thông qua việc cho trẻ tiếp xúc với thơ, truyện

Cho trẻ tiếp xúc với thơ, truyện là con đường phát triển lời nói, đặc biệt là lời nói nghệ thuật. Thông qua các tác phẩm văn học có chọn lựa, trẻ học được lời hay, ý đẹp, những từ trong sáng, gợi cảm, lối nói ví von... Qua đó trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách phong phú, hay, đẹp.

2.1.7. Giáo dục tình yêu đối với tiếng mẹ đẻ và văn hoá giao tiếp ngôn ngữ.

- Dạy trẻ biết sử dụng ngữ điệu sao cho phù hợp, biểu cảm; sử dụng từ ngữ chính xác, phong phú, gợi cảm; sử dụng câu phù hợp với hoàn cảnh, diễn đạt rõ ràng mạch lạc...

- Giáo dục trẻ biết phối hợp các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ...) để lời nói thêm biểu cảm, cuốn hút người nghe.

2.2. Các phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em

2.2.1. Phương pháp trực quan

Phương pháp này đảm bảo mối liên hệ giữa hệ thống tín hiệu thứ nhất (đối tượng để trực quan) và hệ thống tín hiệu thứ hai (ngôn ngữ phát ra khi quan sát đối tượng).

2.2.1.1. Mục đích phương pháp:

- Hình thành một số kiến thức mới, hình thành vốn từ cho trẻ.

- Củng cố kiến thức, củng cố vốn từ.
- Rèn luyện phát âm.

2.2.1.2. Các dạng trực quan:

a. Quan sát

- Là phương pháp dạy trẻ sử dụng các giác quan của mình để tích lũy dần những kinh nghiệm, những hình ảnh, những biểu tượng và kỹ xảo ngôn ngữ. Việc cho trẻ xem vật thật giúp trẻ nhận biết, tri giác vật một cách khái quát và cụ thể từng chi tiết.

- Để giúp trẻ quan sát, cô có thể sử dụng vật thật để trẻ dùng các giác quan để nhìn, sờ, ngửi, nếm, nghe sự vật ngay trước mắt mình.

- Trong khi hướng dẫn trẻ quan sát, cô chỉ vào vật, bộ phận của vật kết hợp với sử dụng từ tương ứng với vật đó, bộ phận đó.

- Nếu không có vật thật, giáo viên có thể thay thế bằng đồ chơi, tranh ảnh.

Lưu ý

- Những bài tập về quan sát phải gắn liền với việc cung cấp từ để từ ngữ luôn theo sát và củng cố những điều đã thu được.

- Khi tổ chức quan sát, không nên chỉ hướng sự chú ý của trẻ vào các sự vật, hiện tượng riêng lẻ mà cần thấy được mối liên hệ giữa chúng. Ví dụ: quan sát trời nắng, mưa.

- Khi tổ chức cho trẻ quan sát để làm giàu vốn từ cho trẻ, cô cần chú ý đến đặc điểm lứa tuổi, khả năng nhận thức, hứng thú của trẻ để tổ chức quan sát cho phù hợp với trẻ.

b. Tham quan

Tham quan là con đường đưa trẻ em đến gần vật thể, hiện tượng. Tùy từng độ tuổi, tham quan đi từ những vật thể liên quan đến sinh hoạt cá nhân hàng ngày đến thế giới rộng lớn hơn. Chẳng hạn, đối với trẻ mẫu giáo bé, cho trẻ tham quan nhà bếp của trường, tham quan lớp anh chị lớn, tham quan sân trường. Với trẻ mẫu giáo lớn có thể tổ chức cho trẻ tham quan viện bảo tàng, công viên, trường tiểu học...

*Buổi tham quan cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nội dung tham quan phải đáp ứng được sở thích của trẻ.
- Tổ chức tham quan phải giúp trẻ chú ý đến cái chính, cái trọng tâm. Không để cho những cái nhỏ, lẻ chi phối trẻ.
- Buổi tham quan không mang tính chất của buổi học. Nó phải được tổ chức nhẹ nhàng, thoải mái. Trước khi tổ chức cho trẻ tham quan cô giáo cần phải cần phải lập kế hoạch cụ thể.
- Sau buổi tham quan cần tổ chức cho trẻ củng cố lại những nhận thức và ấn tượng đã thu nhận được trong buổi tham quan.

c. Xem phim

Là cách sử dụng máy móc, thiết bị vào quá trình dạy học trong điều kiện cho phép, tạo điều kiện cho trẻ quan sát, tham quan cảnh vật mà trẻ không thể đến tận nơi để quan sát, hoặc cho trẻ xem lại những cảnh quay trong quá khứ. Ví dụ: xem phim về cuộc sống của con vật ở trong rừng, động vật sống dưới biển sâu...

2.2.2. Phương pháp dùng lời

2.2.2.1. Đàm thoại

- Là cách sử dụng hệ thống câu hỏi của cô và câu trả lời của trẻ nhằm giúp cho ngôn ngữ của trẻ phát triển.
- Đàm thoại cần được tiến hành thoải mái, đáp ứng được yêu cầu của trẻ, cần tiến hành đối với từng trẻ. Nên có đồ dùng trực quan đặt trước mắt trẻ khi đàm thoại.
- Hệ thống câu hỏi cần phù hợp với khả năng nhận thức và đặc điểm ngôn ngữ của trẻ.

2.2.2.2. Sử dụng lời nói mẫu

Mẫu lời nói được sử dụng như một phương pháp khi chỉ cho trẻ cách thức tốt nhất để diễn đạt suy nghĩ của mình.

Lưu ý, số lượng câu trong mẫu phải phù hợp với khả năng chú ý và trí nhớ của trẻ. Trẻ càng nhỏ câu càng phải ngắn gọn.

2.2.2.3. Giảng giải

Là phương pháp dùng lời nói cho trẻ hiểu về đặc điểm, tính chất của một vật hay một hành động nào đó. Cô sử dụng những từ mà trẻ đã biết để

giảng giải cho trẻ những từ mà trẻ chưa biết. Cách làm này hay được áp dụng trong việc phát triển vốn từ qua các giờ kể chuyện, đọc thơ. Lời giảng giải của cô phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu.

2.2.2.4. Chỉ dẫn

Là cách thức cô giáo dùng lời nói để chỉ cho trẻ biết cách làm và cách đạt được kết quả cuối cùng của công việc.

2.2.2.5. Nhắc nhở

Là lời gợi ý cho trẻ khi gặp khó khăn. Tránh nặng lời hay chê bai trẻ.

2.2.2.6. Đánh giá, nhận xét lời nói của trẻ

Cô giáo dùng lời để đánh giá, nhận xét lời nói của trẻ đúng hay chưa đúng.

2.2.2.7. Sử dụng câu hỏi

Câu hỏi dùng cho trẻ có nhiều loại khác nhau: câu hỏi hướng sự chú ý của trẻ đến việc nhận thức, đối tượng; câu hỏi đòi hỏi trẻ phải tìm kiếm, suy luận.

Cô giáo thường đặt câu hỏi kết hợp với trực quan

2.2.2.8. Đọc, kể tác phẩm văn học

Cô giáo đọc, kể tác phẩm văn học cho trẻ nghe qua đó rèn luyện phát âm, cung cấp vốn từ, các mẫu câu cho trẻ và dạy trẻ nói mạch lạc.

2.2.3. Phương pháp thực hành

Phương pháp này đòi hỏi cô giáo phải chú trọng việc cho trẻ tích cực tham gia vào sử dụng lời nói. Cần có những bài tập chuyên biệt để luyện cho trẻ một kỹ năng nào đó. Ví dụ: cho trẻ đọc bài bài đồng dao để luyện các âm, bài tập luyện cơ quan phát âm...

2.2.4. Phương pháp trò chơi

Hoạt động vui chơi giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động giáo dục ở trường mầm non. Đối với việc dạy nói cho trẻ trò chơi giữ vai trò vô cùng quan trọng. Ví dụ: trò chơi học tập luyện cơ quan phát âm, phát triển vốn từ...; trò chơi đóng vai theo chủ đề có hiệu quả trong việc phát triển vốn từ, văn hóa giao tiếp...

2.3. Các hình thức phát triển ngôn ngữ trẻ em

2.3.1. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong giờ học

- Giờ chuyên biệt, gồm có: Giờ nhận biết tập nói và Làm quen chữ cái

- Giờ ưu thế: Làm quen với tác phẩm văn học, Làm quen với môi trường xung quanh.

Ngoài ra, các giờ học khác đều có tác dụng đối với sự phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

2.3.2. Phát triển ngôn ngữ trong các hoạt động khác

Ngoài các giờ học, các hoạt động giáo dục ở trường mầm non như: lao động, hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, chế độ sinh hoạt hàng ngày đều có vai trò quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

Như vậy, từ hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ ta thấy rõ, nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ được tích hợp trong các hoạt động giáo dục.

Câu hỏi ôn tập:

1. Có mấy nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, nhiệm vụ nào là quan trọng nhất?
2. Phân tích mối quan hệ giữa các nhiệm vụ.
3. Trình bày các phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.
4. Trình bày các hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

Chương 3

GIÁO DỤC CHUẨN MỤC NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT

A. Mục tiêu

- Hiểu được khái niệm giáo dục chuẩn mục ngữ âm.
- Hiểu được các nhiệm vụ, nội dung, biện pháp, hình thức giáo dục chuẩn mục ngữ âm tiếng Việt cho trẻ mầm non.
- Vận dụng được biện pháp giáo dục chuẩn mục ngữ âm cho trẻ từng độ tuổi.
- Xây dựng trò chơi học tập nhằm rèn luyện chuẩn mục ngữ âm cho trẻ.

B. Nội dung

3.1. Khái quát về giáo dục chuẩn mục ngữ âm tiếng Việt

3.1.1. Bộ máy phát âm – cơ quan sản sinh ra âm thanh ngôn ngữ

- Bộ máy phát âm của con người là một trong những điều kiện vật chất quan trọng nhất mà thiếu nó không thể có ngôn ngữ. Nếu trong cấu tạo của nó có sự khiếm khuyết nào đó thì việc hình thành lời nói là điều hết sức khó khăn.

- Trẻ em mới sinh ra chưa có bộ máy phát âm hoàn chỉnh. Tuổi mầm non là giai đoạn hoàn chỉnh dần bộ máy đó.

3.1.2. Giáo dục chuẩn mục chính âm là gì?

Giáo dục chuẩn mục ngữ âm cho trẻ là tập cho trẻ phát âm chính xác, rõ ràng mọi câu, tiếng của tiếng Việt đúng quy định. Ngoài ra, còn rèn luyện cho trẻ khả năng nghe âm thanh ngôn ngữ, biết điều khiển hơi thở đúng, biết điều chỉnh giọng nói của mình sao cho biểu cảm, phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp.

3.1.3. Đặc trưng của việc dạy tiếng Việt.

Âm tiết là đơn vị phát âm cơ bản. Trong tiếng Việt, khi phát âm, các âm tiết tách rời nhau, mỗi âm tiết lại gắn với một thanh điệu. Vì thế dạy trẻ phát âm đúng trước hết phải dạy trẻ phát âm rõ từng âm tiết và thanh điệu của từng âm tiết đó.

3.2. Các nhiệm vụ giáo dục chuẩn mục ngữ âm tiếng Việt

3.2.1. Rèn luyện khả năng nghe lời nói

- Rèn luyện cho trẻ nghe và phân biệt âm thanh trong cuộc sống.

- Rèn luyện cho trẻ tri giác được tính biểu cảm của ngôn ngữ: sự âu yếm, sự vui vẻ, sự buồn bã...

- Rèn luyện cho trẻ phân biệt các âm vị

- Rèn luyện khả năng nghe cho trẻ bao gồm các thành tố như: khả năng chú ý nghe, nghe từng âm vị, tri giác tốc độ khả năng nghe tốt tạo điều kiện cho khả năng nói phát triển.

3.2.2. Rèn luyện khả năng phát âm

- Rèn luyện bộ máy phát âm: rèn luyện sự linh hoạt của lưỡi, môi, răng...

- Rèn luyện thở ngôn ngữ: là rèn luyện khả năng hít vào nhanh, ngắn và thở ra nhịp nhàng tạo điều kiện cho khả năng nói các câu một cách thoải mái trong quá trình diễn đạt. Thở ngôn ngữ đúng tạo điều kiện phát âm rõ nét, giữ được cường độ nói phù hợp, lời nói khúc chiết, nhẹ nhàng, lời nói biểu cảm.

- Rèn luyện giọng nói cho trẻ: là giúp cho trẻ có khả năng điều khiển giọng nói của mình sao cho trở nên biểu cảm, rõ ràng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người nói. Cần chú ý đến đặc tính của giọng nói:

+ Cao độ: sự nâng lên, hạ xuống của âm thanh, chuyển giọng từ cao xuống thấp và ngược lại.

+ Cường độ: phát âm với một cường độ chính xác, hợp lý phù hợp với ngữ cảnh.

+ Âm sắc: sắc thái riêng làm nên đặc trưng của giọng nói mỗi người (âm vang, trầm, ấm, đục...).

3.2.3. Hoàn thiện chuẩn mực chính âm:

Chính âm là quy định thống nhất về âm thanh ngôn ngữ tiếng nói của một quốc gia, dân tộc. Trong tiếng Việt, các nhà ngôn ngữ xác định phát âm của phương ngữ Hà Nội được lấy làm cơ sở chính âm.

Giáo viên phải nắm vững chính âm và phát âm chuẩn. Giáo viên căn cứ vào đó làm mẫu cho trẻ phát âm và khắc phục các lỗi do tiếng địa phương gây ra.

3.2.4. Rèn luyện ngữ điệu lời nói

Ngữ điệu là tổng hợp phức tạp các phương tiện biểu cảm ngữ âm của lời nói như: giai điệu, tốc độ, nhịp điệu, trọng âm (logic và ngữ pháp), âm sắc.

- Giai điệu: nâng lên hoặc hạ giọng nói làm lời nói mang sắc thái khác nhau (du dương, mềm mại...).
 - Tốc độ: nhanh, chậm.
 - Nhịp điệu: lời nói nhịp nhàng, tách bạch các từ, âm tiết.
 - Trọng âm: nhấn mạnh về phát âm trong lời nói.
 - Âm sắc: lời nói thể hiện sắc thái riêng, đặc trưng giọng nói của từng người.
- Cô giáo cần giáo dục trẻ biết thể hiện ngữ điệu phù hợp trong các hoàn cảnh giao tiếp.

3.2.5. Sửa các lỗi phát âm cho trẻ

Ở tuổi mầm non, khi cơ quan phát âm đang ở giai đoạn hoàn thiện thì trẻ thường mắc các lỗi phát âm. Cô giáo căn cứ vào chính âm để sửa các lỗi phát âm cho trẻ.

3.3. Các nội dung và biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm

3.3.1. Giai đoạn 1 (trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng tuổi)

3.3.1.1. Đặc điểm

Trẻ lứa tuổi này phát triển nhanh chóng, khả năng hiểu lời nói, vốn từ tăng nhanh, cấu trúc từ hoàn thiện, thường sử dụng câu ngắn.

Mặt âm thanh ngôn ngữ được phát triển mạnh, cơ quan phát âm hoàn thiện một bước (hai hàm răng hình thành đã điều khiển được môi, lưỡi..) tạo điều kiện phát âm được. Tri giác nghe tốt hơn cũng có tác động tốt đến khả năng phát âm.

3.3.1.2. Nhiệm vụ

Bằng con đường giao tiếp thường xuyên, có hệ thống của trẻ với người lớn, cô giáo chú ý phát triển tri giác nghe, củng cố và phát triển các bộ phận của cơ quan phát âm.

3.3.1.3. Nội dung và biện pháp

- Cho trẻ bắt chước và rèn luyện phát âm các phụ âm môi như: p, b, m, các nguyên âm đơn: a, o, ô, ơ...

- Đối với trẻ 2 tuổi trở đi, cần đưa ra các âm khó phát âm hơn như: s, r, ch, x, có thể giai đoạn này các âm này trẻ chưa phát âm chính xác nhưng vẫn cần được rèn luyện.

- Dựa vào bộ phát âm của trẻ mà cô cho trẻ phát âm các âm trong các kết hợp khác nhau. Ví dụ: âm vị “b” → bà bế bé. Điều này giúp trẻ phát âm rõ các âm vị, cũng chính là luyện khả năng nghe âm vị và phát âm của các âm vị đó.

- Cho trẻ nhắc đi nhắc lại các âm vị sẽ tạo thành các mẫu, từ đó rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo phát âm, cấu tạo âm của trẻ.

- Cần đặc biệt lưu ý các âm mà trẻ phát âm không chính xác hoặc hoàn toàn không phát âm được để rèn luyện cho trẻ. Ví dụ: các nguyên âm đôi như iê, uô, ơ, các vần có âm đệm u, các phụ âm s, x, ch, l.

- Các mẫu phát âm cần đặt trong hoạt động ngôn ngữ giao tiếp. Quá trình rèn luyện này có thể thông qua một số giờ học (Làm quen với âm nhạc, nhận biết tập nói, Làm quen văn học...), đặc biệt thông qua qua trò chơi.

3.3.2. Giai đoạn 2 (trẻ 3 - 5 tuổi)

3.3.2.1. Đặc điểm

Ở tuổi này vốn từ của trẻ tăng nhanh. Trẻ hiểu nghĩa của từ và dùng từ chính xác hơn. Trẻ đã sử dụng được nhiều mẫu câu đơn giản đúng ngữ pháp, kể tuần tự được một số câu chuyện ngắn, trẻ cũng đã biết kể chuyện theo tranh. Như vậy, điều kiện và khả năng giao tiếp đã mở rộng.

Mặt âm thanh của lời nói cũng nhanh chóng phát triển. Trẻ lĩnh hội và phát âm được nhiều âm vị, phát âm các từ, các câu rõ nét hơn. Trẻ bắt đầu biết điều chỉnh tốc độ, cường độ của giọng nói.

3.3.2.2. Nhiệm vụ

Phát triển khả năng nghe các âm tiết, phát âm đúng trong tất cả các âm vị tiếng Việt trong từ, trong câu một cách rõ ràng, rành mạch.

Tiếp tục rèn luyện kỹ năng điều chỉnh giọng nói với cường độ, tốc độ phù hợp với tình huống giao tiếp.

3.3.2.3. Biện pháp

- Biện pháp chủ yếu là sử dụng các bài tập, TC tập cho trẻ phát âm các âm vị trong tiếng Việt. Đặc biệt, các âm vị khó như âm: s, tr, r, x, ch... phải chú ý tập cho trẻ ngay từ khi mới 3 tuổi.

- Luyện phát âm các âm vị tiếng mẹ đẻ bao gồm 4 loại công việc tuần tự thay

đôi như sau:

+ Luyện các bộ phận của cơ quan phát âm như môi, lưỡi, hàm. Việc này được tiến hành bằng cách, giáo viên tổ chức các bài tập, trò chơi để phát triển, chính xác hoá các vận động của các bộ phận cấu âm như luyện cấu âm đúng, thở nhịp nhàng bằng miệng, phát triển, điều chỉnh giọng nói. Ví dụ: luyện độ linh hoạt của lưỡi qua TC “Chú lưỡi vui tính”...

+ Chính xác hoá việc phát âm các âm vị riêng biệt, biết tách một âm ra khỏi âm khác bằng các bài tập trò chơi, tách biệt các âm ra và phát âm để sau đó trẻ có thể bắt chước làm theo. Loại công việc này giúp trẻ phân biệt được các âm vị gần nhau. Rèn luyện phát âm kết hợp với thể hiện ngôn ngữ và luyện giọng. Ví dụ: trò chơi “Đoán xem con gì kêu” (làm tiếng ong kêu “rì rì” để luyện phát âm “r” hoặc tiếng ve kêu để luyện âm “v”)

+ Luyện phát âm đúng các âm vị trong âm tiết, trong từ. Lựa chọn các từ, các âm tiết khác nhau có chứa một âm vị nào đó để tập cho trẻ phát âm rõ nét các âm vị đó. Ví dụ: trò chơi “Con gì xuất hiện” (luyện phát âm đúng âm “r” bằng cách đưa các loại con có tên gọi là âm “r” rồi cho trẻ gọi tên: con rết, con ruồi, con rắn...)

+ Luyện phát âm đúng các âm trong cấu trúc câu (lời nói) thông qua trò chơi, câu đố, thơ ca, truyện. Ví dụ: cho trẻ đọc đồng dao bài “Dung dăng dung dè” để luyện âm “d”...

3.3.3. Giai đoạn 3 (trẻ 5 - 6 tuổi)

3.3.3.1. Đặc điểm

Đa số trẻ mẫu giáo lớn đã nắm được và phát âm chính xác tất cả các âm vị của tiếng mẹ đẻ và các thanh điệu. Các từ, các câu trẻ đều phát âm tương đối chính xác, giọng điệu phù hợp với nội dung và hoàn cảnh giao tiếp.

Số ít trẻ còn mắc một số lỗi sai về phát âm khi gặp các từ khó, bỏ sót một số nguyên âm. Một số trẻ khác không phân biệt được các âm gần giống nhau như: s-x, tr-ch, r-d, hoặc chưa làm chủ được cường độ, ngữ điệu giọng nói.

3.3.3.2. Nhiệm vụ

- Tiếp tục hoàn thiện khả năng nghe lời nói, củng cố các kỹ năng nói đúng các từ, câu, sử dụng ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

- Phân biệt và rèn luyện phát âm chính xác những âm trẻ thường hay lẫn lộn như: s-x, tr-ch, r-d.

3.3.3.3. Biện pháp

- Chọn các âm gần nhau để trẻ so sánh và phân biệt. Ví dụ: quả sấu – xấu xí; xôi gấc – nước sôi, trồng cây – cây chuối.

- Phân biệt âm trong các từ bằng cách chọn các bức tranh hoặc các trò chơi có các từ có các âm khác nhau, cần phân biệt và dạy trẻ phân biệt chúng. Ví dụ: âm c, cho trẻ xem tranh “ quả cà”, tranh “con cá”.

- Phân biệt các âm trong cấu trúc câu, cô sử dụng các bài tập, các trò chơi ngôn ngữ, các câu chuyện, tranh ảnh... để tập cho trẻ nói nhanh và luyện nghe cho trẻ.

3.4. Các hình thức rèn luyện ngữ âm cho trẻ

3.4.1. Tiết học rèn luyện phát âm

- Đối với trẻ dưới 3 tuổi:

+ Hình thức: cá nhân

+ Thời gian: từ 10 – 15 phút

+ Mục đích: Phát triển sự chú ý lời nói, phát triển tri giác nghe, thở ngôn ngữ, hoàn thiện bộ máy phát âm.

+ Biện pháp: ưu tiên sử dụng biện pháp bắt chước, sử dụng các bài đồng dao, ca dao, trò chơi.

- Đối với trẻ 3 – 5 tuổi:

+ Hình thức: cả nhóm

+ Thời gian: 15 – 20 phút.

+ Mục đích: phát triển khả năng nghe hình vị và lời nói, tiếp tục hoàn thiện vận động bộ máy phát âm; củng cố kỹ năng phát âm; hoàn thiện phát âm đúng từ, câu; phát triển kỹ năng sử dụng cường độ giọng nói thích hợp, tốc độ ngữ điệu hợp lý.

+ Biện pháp: Sử dụng trò chơi độc lập, các bài tập trò chơi, câu đố, chuyện vui, chuyện kể...

- Đối với trẻ 5 – 6 tuổi:

+ Hình thức: cả nhóm

+ Thời gian: 15 - 20 phút.

+ Mục đích: rèn luyện, củng cố và hoàn thiện các kỹ năng, kỹ xảo có liên quan đến các mặt của chuẩn mực ngữ âm. Chú ý đặc biệt được hướng đến các âm vị s – x, r – d, tr – ch, l – n ...

+ Biện pháp: Sử dụng trò chơi học tập, câu đố, tục ngữ, ca dao, đồng dao, thơ, chuyện vui, chuyện kể....

3.4.2. Đưa việc rèn luyện ngữ âm vào các tiết học

Có thể đưa việc rèn luyện phát âm cho trẻ trong các giờ: kể chuyện, đọc thơ, âm nhạc, làm quen với chữ cái...

3.4.3 Rèn luyện ngữ âm ngoài giờ học

Mọi lúc, mọi nơi cô đều có thể luyện ngữ âm cho trẻ như: lúc tập thể dục, đi dạo, chơi tự do, đón trả trẻ.... Công việc này cô cần tiến hành thường xuyên và kiên trì.

Câu hỏi ôn tập:

1. Thế nào là giáo dục chuẩn mực ngữ âm cho trẻ mầm non?
2. Phân tích các nhiệm vụ giáo dục chuẩn mực ngữ âm cho trẻ mầm non.
3. Trình bày đặc điểm ngữ âm của trẻ nhà trẻ, mẫu giáo.
4. Nêu biện pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm cho trẻ các độ tuổi.
5. Thiết kế giờ học giáo dục chuẩn mực ngữ âm cho trẻ 24 - 36 tháng, 3 - 4 tuổi.

Chương 4

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VỐN TỪ

A. Mục tiêu:

- Biết đặc điểm vốn từ của trẻ tuổi mầm non.
- Hiểu được các nhiệm vụ hình thành vốn từ cho trẻ mầm non.
- Hiểu và vận dụng được các biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ mầm non.
- Có kỹ năng xây dựng trò chơi nhằm phát triển vốn từ cho trẻ.
- Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động nhận biết tập nói cho trẻ.

B. Nội dung

4.1. Đặc điểm vốn từ của trẻ mầm non

4.1.1. Vốn từ xét về mặt số lượng

- Từ 12 tháng trở đi, ở trẻ bắt đầu xuất hiện các từ chủ động đầu tiên. 18 tháng trẻ có khoảng 11 từ (nhiều nhất 24 từ).
- Từ 19 – 21 tháng, số lượng từ tăng nhanh, 21 tháng có khoảng 220 từ, 24 tháng có 234 từ, 30 tháng có 434 từ, 36 tháng có khoảng 468 từ.
- Năm thứ 3, trẻ sử dụng được hơn 500 từ chủ yếu là các danh từ, động từ, tính từ chỉ các sự vật, hiện tượng xung quanh, quen thuộc với trẻ.
- Trẻ 4 tuổi có khoảng 700 từ, hầu hết các từ loại xuất hiện trong vốn từ của trẻ.
- Trẻ 5 – 6 tuổi có khoảng 1033 từ, tính từ và các từ loại khác chiếm tỉ lệ cao hơn.

❖ Quy luật tăng số lượng từ của trẻ:

- Số lượng từ tăng theo thời gian.
- Sự tăng số lượng từ có tốc độ không đều, có giai đoạn tăng nhanh, có giai đoạn tăng chậm. Năm thứ ba tốc độ tăng nhanh nhất. Từ 3 – 6 tuổi tốc độ giảm dần.

4.1.2. Vốn từ xét về cơ cấu từ loại

Theo Nguyễn Xuân Khoa, tiếng Việt có 9 loại từ: danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ, phó từ, quan hệ từ, định từ, tình thái từ. Các từ loại xuất hiện dần trong vốn từ của trẻ. Đầu tiên chủ yếu là danh từ, sau đó đến động từ, tính từ rồi đến các từ loại khác.

- Trẻ 3 – 4 tuổi:

Trong hệ thống từ vựng của trẻ, danh từ là loại tăng nhiều nhất, chiếm khoảng 37,91% đến 35, 36%. Đó là danh từ chỉ người, các sự vật, hiện tượng xung quanh (là những từ cụ thể luôn gắn với sự vật hiện tượng), ví dụ: bố, mẹ, con mèo, bông hoa, cái nhà... Các từ chỉ hoạt động của sự vật, hiện tượng cũng phát triển nhanh ở độ tuổi này, đặc biệt là những động từ gắn với hoạt động cụ thể của sự vật, hiện tượng. Số lượng động từ của trẻ đứng sau danh từ chiếm khoảng 33,36% đến 31,04%. Việc tiếp thu tính từ của trẻ mẫu giáo 3 – 4 tuổi khó khăn hơn so với danh từ, động từ. Từ loại tính từ chiếm tỉ lệ khoảng 7%. Theo nghiên cứu của Lưu Thị Lan trẻ 3 – 4 tuổi có thể cảm nhận được các từ biểu thị kích thước, số lượng, hình dạng của vật: cao thấp, nhiều ít, hình tròn... Đại từ chiếm khoảng 3%, trẻ hay dùng đại từ ngôi thứ ba để thay thế cho các danh từ trong ngôn ngữ khi giao tiếp và các từ: này, ấy, kia, đây... thay thế cho các từ chỉ địa điểm, thời gian. Trẻ còn biết dùng các đại từ như: chúng ta, tôi, ta, chúng ta. Ngoài ra, phó từ chiếm khoảng 8%, tình thái từ 5%, quan hệ từ và số từ rất ít xuất hiện trong ngôn ngữ của trẻ, chiếm khoảng 2%. Về quan hệ từ, trẻ có thể sử dụng các từ như: của, và, thì, là, tại, vì, với, nhưng, chiếm khoảng còn số từ, trẻ có thể sử dụng một, hai, ba.

- Giai đoạn 5 – 6 tuổi, tỉ lệ danh từ và động từ giảm đi (chỉ còn khoảng 50%), nhường chỗ cho các từ loại khác tăng lên. Tính từ chiếm khoảng 15%, quan hệ từ chiếm 6%, còn lại là các từ loại khác.

4.1.3. Khả năng hiểu nghĩa của từ của trẻ mầm non

Sự hiểu nghĩa của từ của trẻ diễn ra ở nhiều mức độ khác nhau. Theo Fedorenko (Nga), trẻ em có 5 mức độ hiểu nghĩa khái quát của từ như sau:

- Mức độ zero: Mỗi sự vật có tên gọi gắn với nó. Trẻ hiểu được ý nghĩa gọi tên này. Ví dụ: bố, mẹ, nhà, chén, ly...

- Mức độ 1: Ý nghĩa biểu niệm ở mức thấp. Ở mức độ này, trẻ nắm được tên gọi chung của các sự vật cùng loại như: búp bê, bóng, ly, bình...

- Mức độ 2: Mức độ này khái quát hơn mức độ thứ nhất. Ở mức độ thứ hai, trẻ nắm được các từ biểu thị tên gọi chung cho một số đối tượng, hành động, hiện tượng... Ví dụ: từ “hoa” được gọi chung cho tất cả các loại hoa không phụ thuộc vào

màu sắc, kích thước...

- Mức độ 3: Từ - khái niệm chỉ nghĩa cùng loại như: đồ gỗ: bàn, ghế, cửa...; phương tiện giao thông: ô tô, xe đạp, xe máy, tàu hỏa...

- Mức độ 4: Mức độ thứ tư của sự khái quát là những từ biểu thị sự khái quát tối đa, gồm những khái niệm trừu tượng như: số lượng, hành động, trạng thái, quan hệ...

Trẻ tuổi nhà trẻ hiểu được nghĩa của từ ở mức độ zero và 1, trẻ mẫu giáo hiểu ở mức độ 2, 3.

4.1.4. Khái niệm vốn từ tích cực và từ thụ động

- Từ tích cực: gồm những từ ta hiểu và sử dụng được trong giao tiếp.

- Từ thụ động: là những từ ta hiểu nhưng không sử dụng trong giao tiếp được.

4.2. Các nhiệm vụ hình thành vốn từ cho trẻ mầm non

- Thứ nhất là mở rộng vốn từ cho trẻ. Việc làm giàu vốn từ cho trẻ phải được tiến hành theo nguyên tắc mở rộng từ cụ thể đến khái quát. Cần cung cấp cho trẻ những từ gần gũi xung quanh trẻ, những từ có liên quan đến cuộc sống cá nhân trẻ, từ cần cho cuộc sống sinh hoạt, học tập, vui chơi của trẻ.

- Thứ hai, cần chú ý đến cơ cấu từ loại trong vốn từ của trẻ sao cho đủ các từ loại tiếng Việt với tỉ lệ thích hợp.

- Thứ ba, cần giúp trẻ lĩnh hội ý nghĩa của từ. Đây là nhiệm vụ quan trọng của việc phát triển lời nói cho trẻ. Nhiệm vụ này bao gồm:

+ Giúp trẻ nắm được ý nghĩa của từ trên cơ sở đối chiếu chính xác chúng với đồ vật xung quanh.

+ Giúp trẻ lĩnh hội ý nghĩa khái quát của từ trên cơ sở phân biệt được những dấu hiệu đặc trưng của sự vật, hiện tượng.

+ Thâm nhập vào thế giới hình tượng của lời nói và biết cách sử dụng chúng.

- Thứ tư, tích cực hóa vốn từ cho trẻ, nghĩa là giúp trẻ không những hiểu biết mà còn sử dụng được từ một cách linh hoạt trong các ngữ cảnh giao tiếp. Đây là quá trình biến từ thụ động sang từ tích cực. Trẻ phải phát âm đúng từ và sử dụng đúng trong các ngữ cảnh khác nhau.

4.3. Các biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ

4.3.1. Phát triển vốn từ qua hướng dẫn trẻ quan sát các sự vật, hiện tượng

Hướng dẫn trẻ quan sát là hướng dẫn trẻ biết xem xét, phân tích, so sánh để tìm ra những đặc điểm, thuộc tính của đối tượng quan sát và các mối quan hệ của nó với môi trường xung quanh. Trong quá trình quan sát, các giác quan được huy động.

** Hướng dẫn trẻ quan sát gồm các nội dung sau:*

- Chuẩn bị:

- + Chọn đối tượng phù hợp.
- + Chọn kiến thức cần thiết.
- + Chọn các từ ngữ phù hợp.
- + Chọn bài hát, TC để tăng sự hấp dẫn.

- Tổ chức cho trẻ quan sát

+ Khởi động bằng bài hát, bài thơ...

+ Cho trẻ quan sát:

Đầu tiên cô để trẻ tự do quan sát nhận xét. Cô chú ý đến vốn từ mà trẻ sử dụng.

Cô hướng trẻ vào mục đích quan sát đã đặt ra.

Tri giác của trẻ cần được gắn liền với từ. Cô không hạn chế các từ do trẻ sử dụng.

Cô chú ý cho trẻ quan sát kỹ và được nói nhiều. Các từ ngữ mới nên được nhắc đi nhắc lại, kết hợp với tri giác các sự vật, hiện tượng.

Cần cung cấp cả những từ chỉ tính chất của sự vật: vải mềm cứng, da dày-mỏng...

+ củng cố kiến thức bằng bài hát, bài thơ, câu đố.

4.3.2. Sử dụng đồ chơi để phát triển vốn từ

Đồ chơi là yếu tố vô cùng quan trọng trong việc giáo dục trẻ nói chung và phát triển vốn từ nói riêng. Đồ chơi được xem như là công cụ, là phương tiện, là đối tượng để trẻ tiếp xúc, sử dụng từ. Đối với nhiệm vụ phát triển vốn từ, đồ chơi rất quan trọng, vì mỗi sự vật trong thế giới khách quan đều gắn với một từ nhất định. Từ phản ánh sự vật, hiện tượng. Ngoài ra, đồ chơi còn gây hứng thú cho trẻ, tạo điều kiện cho trẻ hoạt động tích cực hơn. Đối với trẻ mẫu giáo bé, giáo viên thường

sử dụng những đồ chơi đơn giản. Với trẻ lớn có thể sử dụng những đồ chơi lắp ghép nhiều bộ phận.

4.3.3. Sử dụng trò chơi học tập

Việc sử dụng trò chơi học tập rất có hiệu quả trong việc giáo dục ngôn ngữ cho trẻ. Có thể sử dụng một số loại trò chơi học tập sau đây để phát triển vốn từ:

- Trò chơi học tập phát triển vốn danh từ.
- Trò chơi học tập phát triển vốn động từ.
- Trò chơi học tập phát triển vốn tính từ.

4.3.4. Các biện pháp dùng lời

4.3.4.1. Biện pháp đàm thoại

Là cách sử dụng hệ thống câu hỏi của cô và câu trả lời của trẻ khi quan sát sự vật, hiện tượng. Biện pháp này giúp cho vốn từ của trẻ ngày càng được mở rộng hơn. Câu hỏi đặt ra cho trẻ phải đa dạng để trẻ sử dụng nhiều loại từ khác nhau khi trả lời. Ví dụ: câu hỏi về tên gọi, tính chất, đặc điểm của sự vật,...

Khi đàm thoại cô giáo có thể sử dụng phối hợp một số thủ thuật nói mẫu, nhắc lại, giảng giải, khen ngợi, cho trẻ sử dụng các thao tác sờ, cầm, nắm...

Ví dụ: để phát triển một số danh từ và tính từ cho trẻ 24 - 36 tháng, cô có thể đàm thoại với trẻ đề tài “Một số loại quả quen thuộc” với hệ thống câu hỏi.

Đây là quả gì?/ quả cam có màu gì?/ Quả cam có dạng hình gì?/ Vỏ quả cam như thế nào?/ Quả cam có vị gì?/...

4.3.4.2. Biện pháp sử dụng lời kể của cô giáo

Là việc cô giáo dùng lời của mình để kể về một đối tượng nào đó. Yêu cầu lời kể phải rõ ràng, đơn giản dễ hiểu đối với trẻ. Lời kể chủ yếu là mô tả các đặc điểm tính chất, hành động của đối tượng.

Lời kể cần có đầy đủ các thành phần có mở đầu, có mô tả, có kết thúc. Mở đầu lời kể là lời giới thiệu đối tượng cho trẻ quan sát. Sau đó, mô tả các chi tiết, đặc điểm tính chất của đối tượng. Kết thúc lời kể là những nhận xét, đánh giá.

4.3.4.3. Cho trẻ kể về những gì trẻ đã được làm quen

Đây là biện pháp tích cực hóa vốn từ cho trẻ. Khi trẻ tự kể chuyện, trẻ sẽ gọi

tên, kể ra các đặc điểm của các đối tượng. Trẻ biết lựa chọn từ ngữ sao cho phù hợp với nội dung kể. Đó là điều kiện để các từ thụ động chuyển thành từ chủ động.

4.3.4.4. Biện pháp phân tích giảng giải

Biện pháp này thường được cô giáo sử dụng khi cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, đặc biệt là trong việc giảng giải nghĩa các từ mới, từ khó.

Để giải thích được các từ khó cô phải kết hợp sử dụng đồ dùng trực quan cùng với sử dụng lời nói để giải thích. Lời giảng giải phải ngắn gọn, dễ hiểu.

Ví dụ: Từ “khép rú”: Cho trẻ xem bức tranh vẽ cánh màn buông xuống, kết hợp với lời giải thích bà bị ốm nằm trên giường, màn buông xuống, cánh màn khép lại. Từ “khép rú” tác giả muốn nói không gian buồn bã.

Lưu ý: khi giải thích từ, giáo viên cần sử dụng những từ mà trẻ đã biết để giải thích kết hợp với sử dụng trực quan. Tránh việc giải thích luẩn quẩn.

4.3.4.5. Biện pháp đối chiếu, so sánh với các từ đồng nghĩa, trái nghĩa

Trước hết, giáo viên phải lựa chọn từ trong tác phẩm. Những từ được lựa chọn để giải thích bằng biện pháp này phải là những từ có thể đem ra đối chiếu hoặc so sánh để làm nổi bật nghĩa của từ. Sau đó, quy những từ cần giảng giải về những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa mà trẻ đã biết.

Ví dụ: lựa chọn từ “khỏe mạnh” trong chuyện “Cây tre trăm đốt”. Cô đưa ra từ trái nghĩa là từ “ốm yếu”. Cô giải thích, người khỏe mạnh là người làm được nhiều việc, không mệt mỏi. Người ốm yếu thì sức khỏe không tốt, không làm được nhiều việc, hay đau ốm.

4.3.4.6. Biện pháp dùng lời định nghĩa khái niệm, nêu lên những nét đặc trưng trong nghĩa của từ

Dùng những định nghĩa khái niệm, giáo viên có thể cung cấp cho trẻ một cách tương đối đầy đủ những nét nghĩa của từ, thấy được cấu trúc nghĩa bên trong của từ.

Qua việc dùng lời định nghĩa khái niệm của giáo viên, trẻ không những không hiểu nghĩa của từ mà nó còn nâng cao cho trẻ về trình độ tư duy, phát huy tính tích cực ở trẻ, thúc đẩy sự phát triển nhận thức của trẻ.

Ví dụ: từ “tiền tuyến” trong bài thơ: “Chú giải phóng quân”: tiền tuyến là nơi có giặc. Nhân vật “chú” từ nơi có giặc trở về.

Yêu cầu của biện pháp này là lời định nghĩa phải ngắn gọn, dễ hiểu.

4.4. Hình thức phát triển vốn từ cho trẻ

Hiện nay chương trình giáo dục mầm non không có giờ học riêng biệt để phát triển vốn từ, nhiệm vụ này thực hiện lồng ghép với các tiết học của trẻ. Trong đó có những giờ học ưu thế cho sự phát triển vốn từ của trẻ.

4.4.1. Giờ Nhận biết, tập nói (nhà trẻ)

Dạy trẻ nhận biết tập nói là hướng dẫn trẻ quan sát một sự vật, một hiện tượng quen thuộc đối với trẻ. Qua đó hình thành khái niệm ban đầu về sự vật, hiện tượng đồng thời phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Ví dụ: Dạy trẻ nhận biết về quả cam là giúp trẻ nhận biết và gọi được tên quả cam cũng như gọi được tên các bộ phận, công dụng của quả cam.

Giờ học này tạo điều kiện rèn luyện phát âm, đặc biệt là tăng nhanh vốn từ cho trẻ.

** Cấu trúc một giờ nhận biết - tập nói:*

- Ổn định tổ chức

- Cô giới thiệu vật cần dạy: Giới thiệu ngắn gọn, hấp dẫn thông qua việc bắt chước tiếng kêu, giấu để trẻ tìm hoặc có thể trực tiếp cho trẻ cầm, sờ, nắm, ngửi...hoặc chơi với vật đó.

- Cô hướng dẫn trẻ nhận biết tập nói bằng cách:

+ Đầu tiên cô hướng dẫn, giới thiệu tên gọi của vật. Nếu là đồ vật mà trẻ đã quen thuộc thì cô có thể hỏi trẻ : Đây là cái gì?

+ Sau đó cô giới thiệu các chi tiết, đặc điểm của vật kết hợp với tập nói.

+ củng cố lại sự vật: cô nhắc lại tên gọi của vật, các chi tiết, đặc điểm của vật.

+ So sánh các sự vật nếu có 2 sự vật

- Trò chơi: tổ chức cho trẻ chơi TC với sự vật trẻ vừa được làm quen

- Kết thúc.

Lưu ý: Tùy vào từng nội dung, chủ đề, độ tuổi, cô giáo tích hợp với các nội dung giáo dục khác.

*Hướng dẫn lập kế hoạch hoạt động Nhận biết tập nói:

Chủ đề :

Đề tài:

Nhóm trẻ:

I. Mục đích, yêu cầu :

- Kiến thức :
- Kỹ năng :
- Giáo dục :

II. Chuẩn bị :

III. Hướng dẫn hoạt động :

Hoạt động 1: Ôn định, giới thiệu vật cần dạy.

Hoạt động 2: Nhận biết tập nói.

Hoạt động 3: Trò chơi.

Kết thúc

4.4.2. Hoạt động “Làm quen với môi trường xung quanh”

Hoạt động này cung cấp một số lượng lớn các từ. Để hoạt động này có hiệu quả cao trong việc phát triển vốn từ cho trẻ, cô phải thực hiện tốt yêu cầu chung về tổ chức hoạt động môn này, đồng thời phải hiểu rõ phát triển vốn từ cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động học tập.

4.4.3. Hoạt động “Làm quen với tác phẩm văn học”

Loại giờ học này cung cấp cho trẻ những từ giàu hình ảnh, từ nghệ thuật, những từ mới, từ khó.

Tóm lại, phát triển vốn từ cho trẻ là nội dung quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ. Nó là cơ sở thành lập câu và phát triển ngôn ngữ mạch lạc. Việc phát triển vốn từ phải được thực hiện trong tất cả các hình thức dạy nói cho trẻ và phải có kế hoạch cụ thể, phù hợp.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày đặc điểm vốn từ của trẻ mầm non.
2. Phân tích các nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ mầm non.
3. Phân tích các biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ mầm non.
4. Xây dựng một số trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ mẫu giáo
5. Lập kế hoạch hoạt động Nhận biết tập nói.

Chương 5:

DẠY TRẺ SỬ DỤNG CÁC MẪU CÂU TIẾNG VIỆT

A. Mục tiêu

- Biết đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt.
- Biết đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ.
- Hiểu nội dung dạy trẻ đặt câu.
- Hiểu và vận dụng các phương pháp dạy trẻ đặt câu.

B. Nội dung

5.1. Đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng Việt

5.1.1. Dạy ngữ pháp tiếng Việt cho trẻ mầm non là dạy các mô hình câu

Tiếng Việt là loại ngôn ngữ đơn lập, không biến hình (từ tiếng Việt giữ nguyên hình thức khi hoạt động. Phương thức ngữ pháp chủ yếu là phương thức trật tự từ và sử dụng hư từ). Vì thế, vấn đề ngữ pháp gần như không được đặt ra khi dạy nói cho trẻ mầm non mà chủ yếu là rèn luyện cho trẻ các loại câu. Trẻ lĩnh hội ngữ pháp bằng cách bắt chước người lớn. Cô giáo sẽ đưa các mẫu câu vào các giờ học để cho trẻ tập sử dụng.

5.1.2. Dạy trẻ mô hình câu từ đơn giản đến phức tạp

Ngôn ngữ là công cụ của tư duy. Tư duy của trẻ mầm non là kiểu tư duy trực quan cụ thể. Cùng với thời gian, tư duy của trẻ phát triển thì các kiểu câu nói của trẻ cũng phức tạp dần, từ câu đơn hạt nhân đến các câu đơn mở rộng (ngoài các thành phần chính còn có các thành phần phụ) rồi đến câu ghép.

Vì tư duy của trẻ phát triển theo thời gian, theo lứa tuổi nên việc dạy trẻ nói đúng mô hình câu tiếng Việt cũng phải đi từ đơn giản đến phức tạp. Có như vậy trẻ mọi lứa tuổi mới lĩnh hội được.

5.1.3. Dạy ngữ pháp cho trẻ mầm non là dạy thực hành

Con đường hình thành ngôn ngữ cho trẻ mầm non là bắt chước (thực hành). Vì vậy các mô hình câu được sử dụng phải tiến hành trong hoạt động lời nói. Câu và nhóm từ luôn phải đặt trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ.

5.2. Những đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ

5.2.1. Lời nói của trẻ giai đoạn 1-3 tuổi

- Từ 13 tháng tuổi trở đi, trẻ bắt đầu dùng những câu đầu tiên trong giao tiếp. Đó là những câu chỉ có một từ, có cấu trúc đơn giản, gắn liền với ngữ cảnh.

Ví dụ: Ba, mẹ, cơm, uống, nước...

- Vốn từ của trẻ lúc này rất nghèo nàn, vì thế trẻ rất cần người đối thoại, gần gũi, hiểu trẻ, tạo điều kiện cho lời nói của trẻ phát triển.

- Trẻ tuổi từ 12- 18 tháng cùng với câu một từ là sự xuất hiện của câu cụm từ (sự liên kết của 2 từ trở lên). Đặc điểm của câu cụm từ là chưa phân biệt được các thành phần câu.

Ví dụ: Ba Thế, Mẹ Lan.

- Tiếp sau câu cụm từ là sự xuất hiện câu đơn đầy đủ thành phần chủ ngữ và vị ngữ.

Ví dụ : Hà / khóc. Mèo/ ăn cơm.

- Đến cuối 3 tuổi dạng câu đơn của trẻ phong phú. Câu đơn hạt nhân (c-v) là loại câu xuất hiện nhiều trong giai đoạn trẻ 24 – 36 tháng.

5.2.2. Lời nói của trẻ giai đoạn 3-4 tuổi:

- Sau 36 tháng ở trẻ xuất hiện câu đơn nhiều thành phần. Điều này phản ánh sự phát triển thêm một bước của tư duy và khả năng sử dụng lời nói của trẻ cũng phong phú hơn lên. Các thành phần mở rộng thường là bổ ngữ, định ngữ, trạng ngữ.

Ví dụ: Mai, cháu đi đu quay.

TN CN V BN

- Trẻ đã biết sử dụng một số loại câu ghép. Đầu tiên là câu ghép đẳng lập liệt kê

Ví dụ: Ba đi làm còn mẹ đi chợ.

Chị đi học còn bé đến trường mầm non.

- Bắt đầu xuất hiện câu ghép chính phụ chỉ nguyên nhân, điều kiện.

Ví dụ: Nếu con ngoan mẹ mua áo đẹp nhé? (điều kiện)

Bạn Lan khóc nhè nên không được phiếu bé ngoan. (nguyên nhân)

5.2.3. Lời nói của trẻ giai đoạn 4 -6 tuổi:

- Ở giai đoạn này, trẻ tiến bộ với tốc độ nhanh hơn về phương diện ngữ pháp. Câu 1 từ không còn xuất hiện nữa, câu cụm từ giảm đáng kể, nhường chỗ cho sự

phát triển của các kiểu câu đơn mở rộng thành phần, các kiểu câu ghép có quan hệ phức tạp hơn.

- Câu đơn có định ngữ trong chủ ngữ

Cái áo này / rất đẹp.

C ĐN V

- Chủ ngữ là 1 c – v: Me cười / con vui quá.

^c C ^v V

- Vị ngữ là 1 c – v: Cháu / là bé ngoan.

C ^c V ^v

- Cả chủ ngữ và vị ngữ đều có 1 c – v:

Bố me về / là chúng cháu rất thích.

^c C ^v ^c V ^v

- Các kiểu câu ghép được sử dụng nhiều hơn, cấu trúc chặt chẽ hơn do có mặt các quan hệ từ.

Ví dụ: Cô / sang muôn (vì) cô / còn ăn cơm.

C V C V

Tóm lại: Ở giai đoạn 4-6 tuổi, hầu hết các dạng mẫu câu đã xuất hiện trong lời nói của trẻ. Câu đơn mở rộng thành phần được sử dụng nhiều hơn. Các loại câu ghép có quan hệ phong phú hơn. Đến 6 tuổi trẻ đã nắm được hầu hết các kiểu câu tiếng Việt. Đây là điều kiện cần thiết để trẻ mở rộng giao tiếp, phát triển nhận thức, phát triển lời nói mạch lạc – một nhiệm vụ quan trọng nhất của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ em.

5.3. Nội dung dạy trẻ đặt câu

Dạy trẻ đặt câu không nên chỉ chú ý vào việc sửa lỗi câu mà phải chủ động dạy trẻ đặt câu theo đúng mẫu.

5.3.1. Dạy đặt câu cho trẻ giai đoạn 1 – 3 tuổi

Khoảng 17 – 18 tháng bắt đầu dạy trẻ câu cụm từ (sự liên kết của 2 từ trở lên). Từ chỗ trẻ biết gọi tên sự vật, bắt đầu dạy trẻ sử dụng lời nói để diễn tả hành động, đặc điểm hay các mối quan hệ của sự vật.

Cần dạy trẻ câu đơn hạt nhân với 2 thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ.

5.3.2. Dạy đặt câu cho trẻ 3 - 4 tuổi

- Dạy trẻ đặt câu theo mô hình câu đơn hạt nhân

Ví dụ: Bé vẽ. Bạn Hoa đang múa.

- Bước đầu phát triển các từ thành nhóm từ (giữ vị trí thành phần chính của câu (c –v)). Ví dụ: Tất cả các đồ chơi / đều đẹp.

C (nhóm danh từ) V

Các bạn / đang chơi bóng ngoài sân.

C V (nhóm động từ)

- Dạy trẻ đặt câu có thành phần trạng ngữ, chủ yếu là các trạng ngữ chỉ thời gian, địa điểm. Ví dụ: Hôm qua, mẹ / cho cháu đi công viên.

TN C V

- Dạy trẻ đặt các loại câu ghép:

Ví dụ: Bố cháu / đi làm, mẹ cháu / về ngoại.

C V C V (đẳng lập)

(Vi) sân / tron (nên) cháu / bị ngã.

C V C V (chính phụ)

- Đặt câu theo mục đích nói: câu tường thuật, câu hỏi, câu cầu khiến.

5.3.3. Dạy đặt câu cho trẻ giai đoạn 5 - 6 tuổi:

- Tiếp tục dạy trẻ đặt câu đơn hạt nhân nhưng có sử dụng liên từ.

Ví dụ: Búp bê / bằng nhựa. Lười biếng / là hư.

C V C V

- Dạy trẻ đặt các câu đơn mở rộng thành phần (thành phần trạng ngữ: mục đích, nguyên nhân) đồng thời dạy trẻ đặt các loại câu ghép đẳng lập, câu ghép chính phụ.

Ví dụ: Bạn Hoa / yêu con, bạn Linh / cũng yêu con.

C V C V (đẳng lập)

Nếu con / ngoan, mẹ / sẽ cho con đi công viên.

C V C V (chính phụ)

Tóm lại: Đến 5-6 tuổi trẻ đã có thể tiếp nhận được hầu hết các mẫu câu của

ngữ pháp tiếng Việt. Các thành phần của câu ngày càng được mở rộng để diễn tả tư duy ngày một phát triển của trẻ.

5.4. Phương pháp dạy trẻ đặt câu

5.4.1. Cô sử dụng lời nói mẫu

Trẻ học lời nói chủ yếu bằng cách bắt chước, vì thế cô phải làm mẫu cho trẻ. Lời kể mẫu của cô phải chuẩn mực về phương diện ngữ pháp. Cần chú ý là các mẫu câu phải đa dạng để tránh sự đơn điệu. Mỗi giờ học cô phải làm nhiệm vụ củng cố các mẫu câu đã học vừa cung cấp các mẫu câu mới. Ví dụ: Trẻ kể chuyện theo đề tài: “ Bé đi công viên” (MG bé). Ngoài các mẫu câu đơn (c-v), cô cần phát triển các mẫu câu có trạng ngữ chỉ thời gian, địa điểm. Chẳng hạn: Hôm qua, bố mẹ cho cháu đi công viên. Trong công viên có rất nhiều hoa đẹp. Hoa lan màu trắng còn hoa hồng màu đỏ...

Cách tiến hành: - Cô giới thiệu đề tài.

- Cô kể mẫu.

- Trẻ kể lại (cô sửa sai).

5.4.2. Đàm thoại

Cô sử dụng hệ thống câu hỏi như là một biện pháp dẫn dắt trẻ sử dụng các mẫu câu cần luyện cho trẻ. Định rèn luyện cho trẻ mô hình câu gì thì cô tạo ra một hệ thống câu hỏi để câu trả lời của trẻ phải là mô hình câu cần dạy.

Ví dụ: dạy câu cho trẻ 3 - 4 tuổi, đề tài một số loại hoa

+ Hôm qua lớp mình đi chơi ở đâu?

+ Trong công viên các con nhìn thấy những gì?

+ Hoa hồng thì màu đỏ còn hoa lan màu gì các con?...

5.4.3. Soạn lại văn bản

Trên cơ sở một văn bản đã có (câu chuyện), soạn thảo lại nó để đưa vào các mẫu câu rồi kể cho trẻ nghe, sau đó cho trẻ kể lại. Cô chú ý sửa lỗi cho trẻ.

Ví dụ: Câu chuyện cây tre trăm đốt: “Ngày xưa, ở một làng kia có một lão nhà giàu thuê một anh nông dân nghèo nhưng khỏe mạnh cày ruộng cho lão. Lão nhà giàu nhiều thóc, tiền nhưng lại keo kiệt. Lão rất sợ phải trả tiền công cày cho

anh nông dân, vì thế lão suy tính ngày đêm...” Có thể soạn lại đoạn văn bản như sau:

+ Câu 3: Mặc dù nhà lão nhiều thóc, nhiều tiền nhưng tính tình rất keo kiệt.

+ Câu 4: Bởi vì lão rất sợ phải trả tiền cho anh nông dân nên lão suy tính ngày đêm.

5.4.4. Phát hiện lỗi sai và sửa lỗi cho trẻ

Trẻ thường mắc lỗi sử dụng câu thiếu thành phần hạt nhân, câu què, câu cụt, nói trống không..., cô cần chú ý sửa cho trẻ (tuy nhiên cần phân biệt những câu có tính tình huống, câu rút gọn, câu đặc biệt)... Ví dụ: trẻ nói câu thiếu thành phần, cô sửa bằng cách đặt câu hỏi cho thành phần thiếu.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp.
2. Trình bày đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ mẫu giáo.
3. Phân tích nội dung dạy trẻ đặt câu theo từng độ tuổi.
4. Trình bày các biện pháp dạy trẻ đặt câu. Cho ví dụ minh họa.

Chương 6

PHÁT TRIỂN LỜI NÓI MẠCH LẠC

A. Mục tiêu

- Hiểu khái niệm lời nói mạch lạc.
- Hiểu nhiệm vụ phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ mầm non.
- Hiểu và vận dụng hình thức, biện pháp phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ.
- Có kỹ năng lập kế hoạch cho trẻ kể chuyện theo tranh, theo đồ chơi, theo kinh nghiệm và kể chuyện sáng tạo.

B. Nội dung

6.1. Khái niệm về lời nói mạch lạc

Phát triển lời nói mạch lạc là nhiệm vụ quan trọng nhất trong tất cả các nhiệm vụ phát triển lời nói trẻ em. Hiện nay, có rất nhiều ý kiến về khái niệm này. Theo nhà sư phạm Nga, tiến sỹ ngôn ngữ học Xôkhin: *Lời nói mạch lạc được hiểu là sự diễn đạt mở rộng một nội dung xác định, được thực hiện một cách logic, tuần tự, chính xác, đúng ngữ pháp và tính biểu cảm.*

Ngôn ngữ được coi là mạch lạc bao gồm các yếu tố sau:

- Lời nói phải có chủ đề và thể hiện tập trung vào chủ đề đó.
- Chủ đề phải được triển khai logic.
- Lời nói phải có bố cục rõ ràng.
- Có dùng các phép liên kết một cách hợp lý.
- Có sắc thái biểu cảm trong lời nói.

6.2. Đặc trưng lời nói mạch lạc của trẻ mầm non

6.2.1. Trẻ 3 - 4 tuổi

- Trẻ mới bắt đầu nắm được kỹ năng bày tỏ một cách mạch lạc những ý nghĩ của mình, mắc nhiều lỗi trong xây dựng câu, đặc biệt là câu phức.

Ngôn ngữ của trẻ còn mang tính ngữ cảnh, lời nói đôi lúc còn chưa rõ ràng, phải sử dụng nhiều đến cử chỉ, điệu bộ trong khi diễn đạt.

6.2.2. Trẻ 4 - 5 tuổi

Trẻ mẫu giáo nhỡ có vốn từ phong phú hơn trẻ mẫu giáo bé về số lượng cũng như từ loại. Trẻ sử dụng được nhiều loại mẫu câu khác nhau. Tư duy của trẻ phát

triển hơn. Ở trẻ bắt đầu xuất hiện khả năng tổng quát, đưa ra kết luận. Những đặc điểm đó của tư duy ảnh hưởng rất lớn đến ngôn ngữ mạch lạc của trẻ. Lời nói của trẻ đã được mở rộng, có trật tự hơn mặc dù cấu trúc chưa hoàn thiện.

Trẻ không chỉ đàm thoại về những gì trẻ đang tri giác mà có thể đàm thoại về những nội dung mà trẻ đã biết và biết đưa ra nhận định của mình.

Trẻ có thể kể lại một câu chuyện mà trẻ biết hoặc được nghe kể, có thể kể theo tranh hoặc kể theo đồ dùng, đồ chơi (mặc dù là bắt chước theo mẫu kể của người lớn)

6.2.3. Trẻ 5-6 tuổi

Ở trẻ mẫu giáo lớn, lời nói mạch lạc đã đạt được trình độ khá cao. Tư duy của trẻ phát triển hơn. Bằng ngôn ngữ, trẻ có thể diễn đạt rõ ràng, mạch lạc ý nghĩ và sự hiểu biết của mình. Trẻ có thể đàm thoại về những gì đã biết hoặc đã nghe được từ trước và có thể đưa ra ý kiến của mình.

Trẻ biết xây dựng câu chuyện tương đối liên tục, rõ ràng, phong phú theo đề tài cho sẵn hoặc kể chuyện theo tranh, đồ vật, đồ chơi. Nhưng trẻ vẫn cần có mẫu câu của cô giáo. Kỹ năng thể hiện thái độ, xúc cảm của trẻ đối với các sự vật, hiện tượng trong câu chuyện vẫn còn chưa phát triển đầy đủ.

6.3. Hình thức và phương pháp phát triển lời nói mạch lạc

6.3.1. Kể lại tác phẩm văn học

* Cách tiến hành:

- Đàm thoại với trẻ về nội dung câu chuyện.
- Cô kể tóm tắt nội dung tác phẩm.
- Trẻ kể theo mẫu của cô.
- Cô nhận xét, đánh giá.

* Lưu ý:

- Không cần kể lại toàn bộ nội dung tác phẩm.
- Giọng kể phải diễn cảm.
- Trong lời kể phải có mẫu cấu trúc câu, có các từ có giá trị, phù hợp với nhận thức của trẻ.

6.3.2. Kể chuyện theo tranh

* Cách tiến hành:

- Cho trẻ xem tranh và đàm thoại về nội dung bức tranh.
- Cô kể mẫu cho trẻ nghe về nội dung bức tranh (vừa kể cô vừa chỉ vào tranh).
- Yêu cầu trẻ nhìn vào tranh và kể lại bằng ngôn ngữ của mình.
- Cô nhận xét.

* Lưu ý:

- Khi đặt câu hỏi, cần đặt theo trình tự nhất định để trẻ thấy được trình tự, logic của sự vật, hiện tượng phản ánh trong bức tranh.
- Phương pháp này áp dụng cho trẻ mẫu giáo nhỏ và mẫu giáo lớn.

6.3.3. Kể chuyện theo đồ vật, đồ chơi: (trương tự kể chuyện theo tranh)

6.3.4. Dạy trẻ kể chuyện theo kinh nghiệm

Một số đề tài gợi ý:

- + Kể lại buổi đi tham quan.
- + Kể lại sinh hoạt của gia đình, lớp học trong ngày hội, ngày lễ.
- + Kể lại chuyện về thăm quê.
- + Kể lại ngày sinh nhật.
- + Kể về buổi đi chơi xa.

* Cách tiến hành

- Đàm thoại với trẻ về đề tài sẽ kể.
- Cô kể mẫu (có thể cô chỉ kể một phần).
- Trẻ tự kể theo trí nhớ.
- Cô nhận xét, đánh giá.

* Lưu ý: chỉ áp dụng cho trẻ tuổi mẫu giáo nhỏ và lớn và chỉ sửa lỗi sau khi trẻ kể.

6.3.5. Dạy cho trẻ kể chuyện sáng tạo

Hình thức này thường chỉ áp dụng cho trẻ mẫu giáo lớn vì đó là một hình thức đòi hỏi ở trẻ phải có sự phát triển ngôn ngữ tốt, tư duy tốt, vốn từ phong phú mới có thể làm được.

* Cách tiến hành:

- Cô và trẻ cùng bàn bạc về chủ đề câu chuyện.
- Cô và trẻ cùng nói về các tình huống có thể xảy ra trong câu chuyện đã hình thành.

- Sau khi nói về các tình huống có thể xảy ra thì câu chuyện đã hình thành bằng một dàn ý chi tiết. Cô có thể dừng lại để hướng dẫn trẻ cách thức kể chuyện: cách kể đoạn mở đầu, cách kể diễn biến và kết thúc truyện.

- Cho trẻ tự kể chuyện.
- Cô đánh giá, nhận xét cách kể của trẻ.

Tóm lại: Phát triển ngôn ngữ mạch lạc là mục đích cuối cùng của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Đó là sự tổng hợp toàn bộ nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ trước tuổi đến trường tiểu học, đồng thời tạo cơ sở cho việc chuẩn bị học tập ở trường phổ thông, đặc biệt là môn tiếng Việt.

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày khái niệm lời nói mạch lạc.
2. Trình bày đặc trưng phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ mầm non.
3. Trình bày biện pháp dạy trẻ kể chuyện theo tranh, đồ vật, đồ chơi, kinh nghiệm, kể chuyện sáng tạo.
4. Lập kế hoạch cho trẻ kể chuyện theo tranh, đồ vật, đồ chơi, kinh nghiệm, kể chuyện sáng tạo.

Chương 7

CHUẨN BỊ CHO TRẺ HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

A. Mục tiêu

- Hiểu được biện pháp dạy trẻ làm quen với cấu trúc tiếng và cấu trúc âm thanh của từ.
- Hiểu được biện pháp dạy trẻ làm quen với thành phần câu.
- Biết được nội dung dạy trẻ Làm quen với chữ cái, chương trình Làm quen chữ cái.
- Hiểu và vận dụng phương pháp dạy trẻ làm quen chữ cái.
- Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động Làm quen với chữ cái.

B. Nội dung

7.1. Cho trẻ làm quen với từ

7.1.1. Biểu tượng từ và nghĩa của từ

Trẻ bắt đầu làm quen với từ, âm ngay từ độ tuổi mẫu giáo nhờ khi thực hiện các bài luyện tập với mục đích hoàn thiện phát âm và làm giàu vốn từ cho trẻ.

Đối với độ tuổi này, trong các giờ học tiếng mẹ đẻ, giáo viên sẽ tiến hành một cách có hệ thống các bài tập, trò chơi nhằm hướng chú ý đặc biệt của trẻ vào thuật ngữ “từ”. Cần phải mở ra cho trẻ hiểu là từ có ý nghĩa, nó thể hiện một đồ vật, hiện tượng, hành động hay phẩm chất nào đó.

Ví dụ: Cô nói: Bây giờ, cô phát âm một từ, các con hãy nói nó có ý nghĩa là gì?

+ Cô phát âm: *Quả bóng*

+ Trẻ nói: Quả bóng nảy (bay)./ Quả bóng là đồ chơi/ Con chơi bóng.

Đó là 3 cách trả lời. Sau khi trẻ trả lời cô có thể định nghĩa: “Quả bóng” là một vật hình cầu, rỗng hoặc đặc, được làm bằng nhựa, cao su, mềm. Đập xuống mặt đất thì nó nảy lên. Vấn đề quan trọng ở đây là cô cho trẻ làm quen với thuật ngữ “từ”. Vì vậy sau khi cho trẻ trả lời xong cô cần nhấn mạnh các từ ý nghĩa, có nghĩa, có nghĩa là...để trẻ nhớ.

Cho trẻ Mẫu giáo lớn làm quen không chỉ với khái niệm từ, từ đồng nghĩa, trái nghĩa mà còn cho trẻ làm quen với các khái niệm từ đồng âm hay từ gần nghĩa nữa. Ví dụ: Con chọn cho cô từ đồng nghĩa với từ “ăn”, từ trái nghĩa với từ “đẹp”.

Các bài tập cấu tạo từ, ngoài mục đích chính là phát triển vốn từ, còn giúp cho trẻ hiểu được nghĩa của thuật ngữ “từ”.

7.1.2. Cho trẻ làm quen với cấu trúc tiếng

Cho trẻ mẫu giáo làm quen với cấu trúc tiếng của từ có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị cho trẻ vào học lớp một.

- Biểu tượng đầu tiên về từ được cấu tạo từ âm tiết (tiếng)

Ví dụ: Cô gọi từ “xe đạp” và bảo, đây là 1 từ. “xe đạp” là một từ. Nhưng khi đọc chúng ta đọc 2 lần (xe, đạp). Như vậy, từ “xe đạp” có 2 tiếng đó là “xe” và “đạp”.

Cô giải thích tiếng là một bộ phận của từ, từ được cấu tạo bằng các tiếng.

- Khi đưa ra câu hỏi cho trẻ nhận biết tiếng trong từ, cô kích thích sự chú ý của trẻ, đặt ra cho trẻ nhiệm vụ phát âm các từ không phải như khi nói bình thường (phải có ngữ điệu). Điều này làm cho trẻ dễ dàng hiểu được cấu trúc tiếng của 1 từ. Trẻ sẽ hiểu tốt hơn cách phát âm từng tiếng trong từ.

- Dạy trẻ phát âm tách rời tiếng không phải là khó nhưng điều quan trọng là để cho trẻ hiểu được nguyên tắc cấu tạo từ là từ các tiếng. Trẻ phải được nghe và phát âm lần lượt các tiếng: tiếng thứ nhất, tiếng thứ hai, tiếng thứ ba...

- Ví dụ: *Bệnh bông, sạch sành sanh.*

❖ Một số biện pháp cho trẻ làm quen với cấu trúc tiếng

➤ *Đưa ra sơ đồ cấu tạo các tiếng thành từ*

Ví dụ: từ “hoa hồng”

Cô cho từ:

hoa	}	hoa hồng (Trẻ tự cấu tạo thành từ “hoa hồng”)
hồng		

➤ *Lựa chọn các từ có số lượng xác định*

Cô đưa ra từ trước, cháu nhìn mẫu để nêu ra sau

Ví dụ: Cô có một từ gồm hai tiếng chỉ một loại hoa, các con hãy lần lượt tìm cho cô từ hai tiếng chỉ các loài hoa khác. Cô cho từ “hoa hồng”, trẻ nêu: hoa cúc, hoa lan. Như vậy trẻ sẽ hiểu được tiếng cấu tạo ra từ.

➤ *Lựa chọn các từ bắt đầu bằng một tiếng nào đó*

Cô hoặc một trẻ gọi tiếng thứ nhất, các trẻ khác gọi ra các từ tương ứng.

Ví dụ: Cô gọi “xe”

Trẻ: xe đạp, xe máy, xe ô-tô, xe xích lô...

➤ *Thay đổi vị trí các âm tiết*

Ví dụ: Cô nói: “xe đạp” Trẻ: đạp xe

Cô: đá bóng Trẻ: bóng đá

7.1.3. Làm quen với cấu trúc âm thanh của từ

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của việc chuẩn bị cho trẻ học đọc- viết ở trường tiểu học là làm quen với thành phần âm thanh, cấu trúc âm thanh của từ.

Sự phân tích âm thanh đầy đủ bao hàm việc xác định thành phần các âm trong từ, thứ tự của các âm đó. Phân tích âm thanh của từ nhất thiết đòi hỏi sự hình thành trình tự của các âm đó. Một từ được phát âm cũng thực hiện một quá trình như lời nói chung. Nó được cấu tạo bởi các âm tuần tự trước sau. Ví dụ: từ: “quả bóng”, gồm có 6 âm và tuân theo tuần tự q, u, a, thanh hỏi, b, o, n, g, thanh sắc, khi phát âm phải phát âm theo đúng vị trí tuần tự các âm đó trong từ

Khi dạy trẻ mẫu giáo lớn làm quen với các thành phần âm thanh và cấu trúc âm thanh của từ, cô giáo có thể phát âm các từ, yêu cầu trẻ nghe từ và tìm ra các âm. Các âm được nhắc đi nhắc lại khi phát âm các từ giúp trẻ bước đầu nhận thức được rằng: từ được tạo nên bởi các âm khác nhau và vang lên cũng khác nhau.

Trong khi đưa trẻ đến với sự phân tích âm thanh, Cô giáo cần dạy trẻ biết rằng từ được cấu tạo bởi nhiều âm, các âm vang lên tuần tự, có từ nhiều âm, có từ ít âm. Cô cũng có thể cho trẻ xác định vị trí các âm trong từ.

Ví dụ: âm “m” nằm ở vị trí nào trong từ “mẹ”, “má”

âm “ô” nằm ở vị trí nào trong từ “bố”, “cô”

âm “b” nằm ở vị trí nào trong từ “bố”, “bà”

7.2. Cho trẻ làm quen với câu

7.2.1. Hình thành biểu tượng về câu

Công việc làm quen với câu được bắt đầu bằng việc tách các câu ra khỏi lời nói. Để làm được điều đó cô giáo có thể sử dụng một câu chuyện ngắn (3 – 4 câu), kể theo tranh. Ví dụ: kể chuyện theo tranh: Vẽ bé đang chăm vườn hoa

Cô giáo: các con chú ý nghe câu chuyện cô kể nhé! “Bé Bông rất yêu hoa.

Ngày nào cô bé cũng ra thăm vườn hoa. Bé đang tưới nước, bắt sâu cho hoa. Khi hoa nở rộ, cô bé hái tặng bà và mẹ.” Sau khi kể xong cô hỏi trẻ:

+ Cô giáo: Cô vừa kể về ai?

Cô kể về bé Bông.

+ Cô giáo: Cô bé đang làm gì?

Đang chăm sóc hoa.

+ Cô giáo: Cô bé chăm hoa như thế nào?

Tưới nước và bắt sâu cho hoa.

+ Cô giáo: Khi hoa nở rộ cô bé làm gì?

Hái tặng bà và mẹ.

+ Cô giáo: Như vậy, chuyện cô kể có 4 câu. Câu thứ nhất: “Bé Bông rất yêu

hoa.”, Câu thứ hai: “Ngày nào cô bé cũng ra thăm vườn hoa”, Câu thứ ba: “Bé đang tưới nước, bắt sâu cho hoa”. Câu thứ tư: “Khi hoa nở rộ, cô bé hái tặng bà và mẹ”. Khi chúng mình kể về điều gì đó, chúng mình phải dùng câu.

Ở những tiết học sau, cô có thể để trẻ tự kể một câu chuyện ngắn theo tranh. Cô giáo nhắc lại câu chuyện của trẻ, tạo sự ngắt, nghỉ giữa các câu. Sau đó, đặt câu hỏi cho trẻ: Câu thứ nhất là gì? Câu thứ hai là gì?... và yêu cầu trẻ tìm ra các câu.

Để nhấn mạnh câu có ý nghĩa xác định, cô giáo nêu ra nhiệm vụ như sau: “Các con hãy chú ý lắng nghe, bây giờ cô sẽ có một câu: Chú mèo đang rửa mặt. Câu này nói về ai? Chú mèo đang làm gì?”

Sau đó cô phát âm một tập hợp từ và yêu cầu trẻ xác định đây là một câu hay không? Ví dụ: Cô nói: “Con chơi đi muốn” rồi hỏi trẻ đó có phải là một câu hay không. Sau đó, cô cho trẻ biết đó không phải là một câu mà là những từ riêng biệt. Để có được một câu, chúng ta cần phải phát âm và sắp xếp đúng các từ. Sau đó, cô yêu cầu trẻ kết hợp các từ trên thành câu: “Con muốn đi chơi”

Để hình thành biểu tượng về câu, cô giáo cần sử dụng các bài tập hình thành biểu tượng về câu. Làm cho hiểu rằng: lời nói được tạo nên bởi câu, mỗi sự vật, hiện tượng có thể nói bằng câu.

7.2.2. Làm quen với thành phần câu

Trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ, trẻ chú ý trước hết đến nội dung, ý nghĩa mà trẻ nghe được trong lời nói của người khác và cái gì do chính mình nói ra. Trong làm quen với thành phần từ của câu, trẻ bắt đầu nhận ra không chỉ nội dung mà cả hình thức của nó nữa.

Những tiết học đầu tiên trong đó trẻ phân biệt từ trong câu và dùng từ trong

câu được tiến hành với việc sử dụng các tài liệu trực quan như tranh ảnh, đồ chơi, bài tập miệng, trò chơi ngôn ngữ.

Ví dụ: Đặt câu về đồ chơi: Trong tiết học, trẻ tập đặt câu có hai từ trở lên, sau đó tách các từ ra khỏi câu rồi chỉ ra trật tự của từng từ. Chẳng hạn cô đưa ra mẫu câu: “Mèo đang câu cá”. Sau đó, yêu cầu trẻ đặt câu với các đồ chơi khác.

Sau khi, trẻ đặt câu xong, cô hỏi trẻ về số lượng từ trong câu. Vị trí các từ trong câu. Cô cho trẻ biết, nếu ghép các từ đó lại sẽ tạo ra được một câu.

Cuối buổi học, khi thảo luận với trẻ, cô kết luận rằng: từ mỗi đồ vật, mỗi người hay mỗi con vật, ta đều có thể đặt được câu, câu được tạo ra bởi các từ.

Sự phức tạp hoá của việc trẻ làm quen với thành phần từ trong câu được thực hiện trong việc trẻ phân biệt được các từ trong câu, học cách gọi ra các từ trong câu, đồng thời đặt câu với một số từ cho trước.

Ví dụ: cô cho trẻ một số từ: búp bê, nằm, mặc, áo...yêu cầu trẻ đặt câu với những từ đó. Ngoài ra, cô giáo còn có thể sử dụng sơ đồ về từ để giúp trẻ thấy rõ hơn sự sắp xếp thứ tự trong câu.

Ví dụ:

Mèo	liếm	mép
Từ thứ 1	từ thứ 2	từ thứ 3

Sau đó, cô cho trẻ đặt câu với sơ đồ như trên

7.3. Cho trẻ làm quen với chữ cái

7.3.1. Nội dung dạy trẻ làm quen với chữ cái

- Dạy trẻ nhận biết 29 chữ cái ghi âm tiếng Việt kiểu chữ in thường, viết thường.

- Dạy trẻ nhớ được tên âm các chữ cái tiếng Việt, bắt chước và phát âm đúng tên âm các chữ cái.

- Dạy trẻ làm quen với tư thế ngồi, cách cầm bút.

- Dạy kỹ năng tô những nét cơ bản và tô chữ cái theo mẫu.

7.3.2 Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ cái

7.3.2.1. Chương trình làm quen với chữ cái

29 chữ cái được chia ra làm 12 nhóm chữ cái. Việc phân nhóm chữ cái dựa

vào việc gần giống nhau và khác nhau rõ nét về hình dạng và cách phát âm.

* Các nhóm được chia như sau:

- | | | |
|-----------|-----------|--------|
| - o, ô, ơ | - i, t, c | - p, q |
| - a, ã, â | - b, d, đ | - v, r |
| - e, ê | - l, m, n | - g, y |
| - u, u | - h, k | - s, x |

* Phân phối số tiết trong năm: mỗi nhóm chữ được dạy 2 tiết, Ngoài ra, còn có các hoạt động ngoài tiết học nhằm củng cố, rèn luyện những chữ cái đã học.

7.3.2.2. Quy trình các bước dạy trẻ làm quen chữ cái

a. Quy trình các bước cho trẻ làm quen chữ cái mới

- Bước 1: Tạo hứng thú dẫn dắt trẻ vào bài học, bằng các cách: dùng bài hát, câu đố, tình huống cụ thể, mô hình, ... phù hợp với chủ đề.

- Bước 2: Cô treo tranh lên bảng, đàm thoại với trẻ về nội dung tranh.

- Bước 3: Đọc cho trẻ nghe từ dưới tranh, cho trẻ đọc theo cô.

- Bước 4: Giới thiệu tranh tiếp theo (thực hiện tương tự như trên nếu có).

- Bước 5: Cô xếp chữ cái rời thành từ giống từ dưới tranh, cho trẻ đọc. (có thể bỏ).

- Bước 6: Cô giới thiệu các chữ cái sẽ dạy.

- Bước 7: Gắn chữ cái lên bảng. Cô phát âm mẫu, cho trẻ phát âm (lớp – tổ – cá nhân).

- Bước 8: Phân tích nét chữ: - Cho trẻ sờ và nhận xét hình dạng từng chữ.

- Cô phân tích các nét chữ.

- Cho cả lớp phát âm lại.

- Bước 9: Giới thiệu kiểu chữ viết thường.

- Bước 10: Trò chơi.

*Kết thúc: Cô nhận xét giờ học, củng cố nội dung học.

b. Quy trình các bước dạy trẻ tập tô chữ cái

Có ba bước chính:

- Bước 1: Ổn định.

- Bước 2: Tổ chức cho trẻ chơi trò chơi chữ cái.

- Bước 3: Hướng dẫn trẻ ngồi đúng tư thế và cách cầm bút tô chữ cái.

- Bước 4: Hướng dẫn trẻ cách tô chữ cái: Cho trẻ quan sát thế chữ cái, dạy trẻ tô trùng khít lên đường kẻ mờ, tô từ trên xuống, từ trái qua phải. Chú ý trẻ điểm đặt bút và tô đúng chiều mũi tên hướng dẫn.

- Bước 5: Cho trẻ thực hành tô chữ cái.

* Lưu ý: không gò ép trẻ phải tô đẹp. Luyện cho trẻ cách cầm bút và tư thế ngồi thật đẹp. Rèn luyện cho trẻ một số đức tính: kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ...

7.3.3. Hướng dẫn lập kế hoạch

7.3.3.1. Loại bài cho trẻ làm quen với chữ cái mới

Đề tài

Chủ điểm:

Đối tượng:

Giáo viên:

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

2. Kỹ năng:

3. Thái độ:

II. Chuẩn bị

III. Nội dung tích hợp

IV. Hướng dẫn

Hoạt động 1: ổn định - dẫn dắt (b1)

Hoạt động 2: làm quen chữ cái (b2-b9)

Hoạt động 3: trò chơi (b10)

(xem phần 7.3.2.3. mục a)

b. Loại bài dạy trẻ tô chữ cái.

Đề tài

Chủ điểm:

Đối tượng:

Giáo viên:

I. Mục đích - yêu cầu

1. Kiến thức:
2. Kỹ năng:
3. Thái độ:

II. Chuẩn bị

III. Hướng dẫn

Hoạt động 1: Ôn định - dẫn dắt (b1)

Hoạt động 2: Trò chơi củng cố (b2)

Hoạt động 3: Tập tô (b3 - b5)

Kết thúc

(Xem phần 7.2.2.3. mục b)

** Lưu ý: Nội dung hoạt động phải có tích hợp với nội dung giáo dục khác. Nếu có tích hợp cần bổ sung vào phần mục tiêu và quy trình hướng dẫn cho trẻ làm quen với chữ cái. Nội dung tích hợp phải phù hợp với chương trình, độ tuổi của trẻ.*

Câu hỏi ôn tập:

1. Trình bày biện pháp dạy trẻ làm quen với cấu trúc tiếng.
2. Trình bày biện pháp dạy trẻ làm quen với cấu trúc âm thanh của từ.
3. Trình bày biện pháp dạy trẻ làm quen với thành phần câu.
4. Lập kế hoạch hoạt động Làm quen chữ cái

Mỗi sinh viên chuẩn bị đồ dùng, giáo án tập dạy

TÀI LỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Châm, Trần Lan Hương, Nguyễn Thanh Thủy (2002), *Tuyển tập các trò chơi phát triển cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Hà Nội
2. Nguyễn Xuân Khoa (1997), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, Nxb ĐHQG, Hà Nội
3. Nguyễn Thị Phương Nga (2005), *Tuyển tập bài tập trò chơi phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
4. Đinh Hồng Thái, Trần Thị Mai (2009), *Giáo trình phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*. Nxb ĐHSP, Hà Nội
5. Đinh Hồng Thái, (2005) *Giáo trình phương pháp phát triển lời nói trẻ em*, Nxb ĐHSP, Hà Nội
6. Phùng Đức Toàn (2009), *Phương án 0 tuổi – Phát triển ngôn ngữ từ trong nhà*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
7. Lê Thị Ánh Tuyết, Hồ Lam Hồng (2004), *Các hoạt động phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1 PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ EM LÀ MỘT KHOA HỌC	3
1.1. Đối tượng nghiên cứu	3
1.2. Mối liên hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ với các ngành khoa học khác.	3
1.2.1. Mối liên hệ với ngôn ngữ học	4
1.2.2. Mối liên hệ với tâm lí học.	4
1.2.3. Mối liên hệ với giáo dục học.....	4
1.2.4. Mối liên hệ với sinh lí học	4
1.3. Các phương pháp nghiên cứu	6
Chương 2 NHIỆM VỤ, HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TRẺ EM.....	6
2.1. Các nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ trẻ em: Có 7 nhiệm vụ	6
2.1.1. Giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt	6
2.1.2. Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ	6
2.1.3. Dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt	6
2.1.4. Phát triển lời nói mạch lạc	6
2.1.5. Chuẩn bị cho trẻ học đọc học viết ở trường phổ thông.....	7
2.1.6. Phát triển lời nói nghệ thuật thông qua việc cho trẻ tiếp xúc với thơ truyện.	7
2.1.7. Giáo dục tình yêu đối với tiếng mẹ đẻ và văn hoá giao tiếp ngôn ngữ. 7	
2.2. Các phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em	7
2.2.1. Phương pháp trực quan	7
2.2.2. Phương pháp dùng lời	9
2.2.3. Phương pháp thực hành.....	10
2.2.4. Phương pháp trò chơi.....	10
2.3. Các hình thức phát triển ngôn ngữ trẻ em	11

2.3.1. Phát triển ngôn ngữ trong giờ học.....	11
2.3.2. Phát triển ngôn ngữ trong các hoạt động khác.....	11
Chương 3 GIÁO DỤC CHUẨN MỤC NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT.....	12
3.1. Khái quát về giáo dục chuẩn mục ngữ âm tiếng Việt.....	12
3.2. Các nhiệm vụ giáo dục chuẩn mục ngữ âm tiếng Việt.....	12
3.2.1. Rèn luyện khả năng nghe lời nói	12
3.2.2. Rèn luyện khả năng phát âm	13
3.2.3. Hoàn thiện chuẩn mục chính âm:	13
3.2.4. Rèn luyện ngữ điệu lời nói.....	13
3.2.5. Sửa các lỗi phát âm cho trẻ	14
3.3. Các nội dung và biện pháp giáo dục chuẩn mục ngữ âm	14
3.3.1. Giai đoạn 1 (trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng tuổi).....	14
3.3.2. Giai đoạn 2 (trẻ 3 - 5 tuổi).....	15
3.3.3. Giai đoạn 3 (trẻ 5 - 6 tuổi).....	16
3.4. Các hình thức rèn luyện ngữ âm cho trẻ.....	17
3.4.1. Tiết học rèn luyện phát âm.....	17
3.4.2. Đưa việc rèn luyện ngữ âm vào các tiết học	18
3.4.3. Rèn luyện ngữ âm ngoài giờ học	18
Chương 4 HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VỐN TỪ	19
4.1. Đặc điểm vốn từ của trẻ mầm non.....	19
4.1.1. Vốn từ xét về mặt số lượng.....	19
4.1.2. Vốn từ xét về cơ cấu từ loại	19
4.1.3. Khả năng hiểu nghĩa của từ của trẻ MN	20
4.1.4. Khái niệm vốn từ tích cực và chủ động.....	21
4.2. Các nhiệm vụ hình thành vốn từ cho trẻ mầm non.....	21
4.3. Các biện pháp phát triển vốn từ cho trẻ	22
4.3.1. Phát triển vốn từ qua hướng dẫn trẻ quan sát các sự vật, hiện tượng ..	22
4.3.2. Sử dụng đồ chơi để PTVT	22
4.3.3. Sử dụng TCHT	23
4.3.4. Các biện pháp dùng lời	23

4.4. Hình thức phát triển vốn từ cho trẻ.....	25
4.4.1. Giờ Nhận biết tập nói (nhà trẻ).....	25
4.4.2. Tiết học Làm quen với môi trường xung quanh:.....	26
4.4.3. Tiết “Làm quen với tác phẩm văn học” :.....	26
Chương 5: DẠY TRẺ SỬ DỤNG CÁC MẪU CÂU TIẾNG VIỆT.....	28
5.1. Đặc trưng của việc dạy trẻ nói đúng ngữ pháp tiếng việt:.....	28
5.1.1. Dạy ngữ pháp tiếng việt cho trẻ mầm non là dạy các mô hình câu:.....	28
5.1.2. Dạy trẻ mô hình câu từ đơn giản đến phức tạp:.....	28
5.1.3. Dạy ngữ pháp cho trẻ mầm non là dạy thực hành:.....	28
5.2. Những đặc điểm ngữ pháp trong lời nói của trẻ:.....	28
5.2.1. Lời nói của trẻ từ 1-3 tuổi:.....	28
5.2.2. Lời nói của trẻ từ 3-4 tuổi:.....	28
5.2.3. Lời nói của trẻ 4 -6 tuổi:.....	29
5.3. Nội dung dạy trẻ đặt câu:.....	30
5.3.1. Dạy đặt câu cho trẻ từ 1 – 3 tuổi:.....	30
5.3.2. Dạy đặt câu cho trẻ 3 -4 tuổi:.....	31
5.3.3. Dạy câu cho trẻ 5 -6 tuổi:.....	31
5.4. Phương pháp dạy trẻ đặt câu:.....	32
5.4.1. Cô sử dụng lời nói mẫu:.....	32
5.4.2. Đàm thoại:.....	32
5.4.3. Biện pháp soạn lại văn bản:.....	32
5.4.4. Phát hiện lỗi sai và sửa lỗi cho trẻ.	33
Chương 6 PHÁT TRIỂN LỜI NÓI MẠCH LẠC.....	34
6.1. Khái niệm về lời nói mạch lạc.....	34
6.2. Đặc trưng lời nói mạch lạc của trẻ mầm non.....	34
6.2.1. Trẻ 3 - 4 tuổi.....	34
6.2.2. Trẻ 4 - 5 tuổi.....	34
6.2.3. Trẻ 5-6 tuổi.....	35
6.3. Hình thức và phương pháp phát triển lời nói mạch lạc.....	35
6.3.1. Kể lại TPVH.....	35

6.3.2. Kể chuyện theo tranh	35
6.3.3. Kể chuyện theo đồ vật, đồ chơi: (tương tự kể chuyện theo tranh).....	36
6.3.4. Dạy trẻ kể chuyện theo kinh nghiệm	36
6.3.5. Dạy cho trẻ kể chuyện sáng tạo	36

Chương 7 CHUẨN BỊ CHO TRẺ HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG TIỂU

HỌC	38
7.1. Cho trẻ làm quen với từ	38
7.1.1. Biểu tượng từ và nghĩa của từ.....	38
7.1.2. Cho trẻ làm quen với cấu trúc tiếng.....	39
7.1.3. Làm quen với cấu trúc âm thanh của từ.....	40
7.2. Cho trẻ làm quen với câu	40
7.2.1. Hình thành biểu tượng về câu	40
7.2.2. Làm quen với thành phần câu	40
7.3. Cho trẻ làm quen với chữ viết.....	42
7.3.1. Nội dung dạy trẻ làm quen với chữ cái.....	42
7.3.2. Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ viết.	42
7.3.3. Hướng dẫn soạn giáo án:	44